

Bản án số: 02 /2018/DSST

Ngày: 29/8/2018

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ
vận chuyển tải sản.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đức Hiệp.**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Tạ Khắc Nghĩa**

2. Ông Lưu Danh Sử.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Ngân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày: 29 tháng 8 năm 2018 và 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ vận tải” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST- KDTM ngày 25/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐST- DS ngày 13/8/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần C

Địa chỉ: Số 3, Nguyễn Tất T, phường 12, quận 4, TP. H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Hoàng G : Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền là: ông Tạ Minh T – phó trưởng phòng pháp chế công ty Cổ phần C .

- Bị đơn: Công ty TNHH D

Địa chỉ: Thuộc khuôn viên nhà máy gạch G – Công ty CP gạch ngói S, xã G, huyện N, tỉnh NB.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tống Văn C - Tổng giám đốc .

Người được ủy quyền: Bà Phạm Thị Kim C và bà Lê Thị N , chức vụ kế toán (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/6/2018).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ ông Bùi Tiến D, Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH D – Nhà máy kính nổi TA .

Địa chỉ: KCN K, xã KP, huyện Y, tỉnh NB.

+ ông Dương Văn Đ1. Trú tại: Thôn P, xã N, huyện H, tỉnh NB.

+ ông Dương Văn Đ2. Trú tại: Thôn P, xã N, huyện H, tỉnh NB.

Tại phiên tòa, có mặt: Ông Tạ Minh T;

Vắng mặt: Bà Phạm Thị Kim C; bà Lê Thị N; ông Bùi Tiến D; ông Dương Văn Đ; ông Dương Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện; bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đương sự xuất trình và tại phiên tòa, đại diện Nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/01/2016, Công ty TNHH Ddo ông Bùi Tiến D, chức vụ Phó Tổng giám đốc đại diện có ký Hợp đồng Dịch vụ vận tải số: 22/2016 CSG- DG với Chi nhánh công ty cổ phần C tại Hải Phòng. Nội dung là cung cấp dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa tuyến Bắc Nam. Sau khi Chi nhánh Công ty cổ phần C tại Hải Phòng hoàn tất công việc theo Hợp đồng, phát hành hóa đơn thanh toán dịch vụ, tuy nhiên Công ty TNHH D đã không thanh toán hết Hợp đồng đã ký kết và thực hiện. Theo đó tính đến ngày 18/8/2017 Công ty TNHH D còn nợ Công ty cổ phần C số tiền nợ gốc là 886.390.000 đồng. Lãi chậm thanh toán đến ngày 29/8/2018 là 162.170.000 đồng. Tổng số tiền Công ty cổ phần C yêu cầu Công ty TNHH D phải thanh toán là 1.048.560.000 đồng.

Bị đơn: Tại biên bản làm việc ngày 20/4/2018, ông Tống Văn C- Tổng giám đốc, là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH D xác nhận đã nhận được thông báo thụ lý và các thông báo khác của Tòa án huyện Nho Quan, ông có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Ông cho rằng Dương Giang đã ủy quyền cho ông Bùi Tiến D là Giám đốc nhà máy kính nổi Trảng An là chi nhánh của Công ty TNHH D nên đề nghị Tòa án làm việc trực tiếp với ông Bùi Tiến D.

Về ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại công văn số 0503 ngày 05/3/2018 ông Bùi Tiến D gửi cho Tòa án Nho Quan. Ông Bùi Tiến D cho rằng vẫn thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng số 01/2015/DV- VT ngày 01/01/2015 với Công ty CP Cảng Sài Gòn, nhưng do số tiền công ty của ông chuyển thừa 1 món là 43.000.000 đồng nhưng Công ty CP Cảng Sài Gòn chưa chấp nhận trừ vào số nợ như yêu cầu của phía nguyên đơn. Ông D cho rằng khi nào Nguyên đơn đồng ý trừ số tiền 43.000.000 đồng vào nợ chính thì bên Công ty TNHH D sẽ hoàn thành nốt nghĩa vụ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng; các đương sự và về áp dụng pháp luật; Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 357, 468, 530, 533 Bộ luật dân sự 2015; Điều 85 và 306 Luật Thương mại; Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải thanh toán cho Công ty cổ phần C tổng số tiền là 1.048.560.000 đồng. Trong đó gốc còn lại là 886.390.000 đồng và lãi tính đến ngày xét xử 29/8/2018 là 162.170.000 đồng.

Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn Dương Giang phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 43.456.000 đồng. Trả lại cho Công ty cổ phần C số tiền tạm ứng án sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp kinh doanh thương mại, giữa các doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh, có mục đích lợi nhuận, bị đơn là Công ty TNHH D có trụ sở công ty hoạt động tại xã G, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên chỉ có ý kiến bằng văn bản trả lời của ông Bùi Tiến D nhưng không có chứng cứ gửi cho Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử xem xét đánh giá chứng cứ đã được cung cấp và thu thập theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu và ý kiến của các đương sự:

Công ty cổ phần C khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH D phải thanh toán hết Hợp đồng dịch vụ vận tải đã ký kết và thực hiện. Theo đó, Công ty TNHH D phải thanh toán số tiền cước vận chuyển là **1.048.560.000 đồng** trong đó số tiền nợ gốc là **886.390.000 đồng** và lãi chậm thanh toán đến 29/8/2018 là **162.170.000 đồng**.

Đối với bị đơn là Công ty TNHH D do ông Tống Văn C - Tổng giám đốc, là đại diện theo pháp luật. Mặc dù, Tòa án huyện Nho Quan đã báo gọi nhiều lần nhưng ông C không đến làm việc trực tiếp. Tòa án huyện Nho Quan đã ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, ông C cho rằng đã ủy quyền việc giải quyết vụ việc này cho ông Bùi Tiến D, nhưng thực tế ông C cũng không có văn bản ủy quyền chính thức cho ông D.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn Đ và Dương Văn Đ, Tòa án huyện Nho Quan cũng thông báo hòa giải, công khai chứng cứ, yêu cầu cung cấp chứng cứ nhiều lần

Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận được thông báo yêu cầu của Tòa án nhân dân huyện Nho Quan nhưng cũng không đến làm việc, không có bất cứ ý kiến phản hồi nào cho Tòa án.

Tại công văn trả lời Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Tiến D xác nhận có việc ký hợp đồng, thừa nhận số nợ như nguyên đơn khởi kiện. Tuy nhiên ông D cho rằng chưa thực hiện nghĩa vụ với Công ty cổ phần C vì bên nguyên đơn chưa đối trừ khoản tiền 43.000.000 đồng là số tiền công ty của ông chuyển thừa cho Cảng Sài Gòn.

[4] Về nhận định của Hội đồng xét xử :

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu thu thập đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C là có căn cứ vì:

Hợp đồng dịch vụ vận tải hai bên ký kết với nhau trên cơ sở tự nguyện đúng pháp luật. Phía nguyên đơn đã thực hiện xong phần nghĩa vụ của mình. Hai bên cũng đã chốt nợ với nhau bằng các Biên bản xác nhận công nợ vào các ngày 06/12/2016 và 03/5/2017. Theo đó Công ty TNHH D thừa nhận còn nợ Công ty CP Cảng Sài Gòn nợ gốc là 986.390.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn đã đồng ý cản trừ số tiền 100.000.000 đồng Công ty TNHH D đã trả. Số nợ gốc Công ty cổ phần C yêu cầu Công ty TNHH D phải trả là **886.390.000 đồng**.

Thực tế ông Bùi Tiến D là Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH D và kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH D – Nhà máy kính nổi Trảng An là người trực tiếp ký Hợp đồng Dịch vụ vận tải số: 22/2016 CSG- DG ngày 07/01/2016 cũng như các biên bản xác nhận nợ của Công ty TNHH D cũng đều thừa nhận có số nợ 986.390.000 đồng.

Ông Dương Văn Đ1 và ông Dương Văn Đ2 là các Thành viên góp vốn của Công ty TNHH D đã được Tòa án xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã được Tòa án tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng để cung cấp chứng cứ và tham gia hòa giải. Tuy nhiên ông Đ1 và ông Đ2 không có ý kiến phản hồi với Tòa án về việc ông Bùi Tiến D ký kết Hợp đồng Dịch vụ vận tải số: 22/2016 CSG- DG ngày 07/01/2016 cũng như các Biên bản xác nhận nợ với tư cách Phó tổng giám đốc và đóng dấu đỏ của Công ty TNHH Dương Giang.

Người đại diện theo pháp luật và theo ủy quyền của Công ty TNHH D đã được Tòa án thông báo, triệu tập tham gia phiên tòa, phiên họp nhưng không tham gia. Tòa án đã gửi văn bản Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH D nhưng không có ý kiến phản hồi.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C buộc Công ty TNHH D phải trả **886.390.000** đồng cước vận chuyển hàng hóa. Theo quy định tại các Điều từ 530 đến 540 của Bộ luật dân sự 2015

Đối với số tiền lãi chậm thanh toán là 162.170.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu. Lãi chậm trả được thỏa thuận trong Hợp đồng Dịch vụ vận tải số: 22/2016 CSG- DG song không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trả lãi của nguyên đơn phù hợp với khoản 2 điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự, vì vậy cần chấp nhận số tiền lãi chậm trả nêu trên với lãi suất là 10% /1 năm.

Đối với lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ sau ngày xét xử, người có nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đối với ý kiến của Công ty TNHH D cho rằng nguyên đơn phải đối trừ số tiền 43.000.000 đồng là tiền là số tiền Công ty TNHH MTV BM chuyển thừa cho C. Tòa án đã yêu cầu phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp chứng cứ chứng minh cho ý kiến này. Tuy nhiên đến ngày 25/6/2018 bà Phạm Thị Kim C là người được ông Tống Văn C ủy quyền có nộp cho Tòa án 01 bản phô tô Bảng kê đối chiếu công nợ của Công ty TNHH MTV BM và Công ty CP Cảng Sài Gòn. Xét chứng cứ này chỉ là bản phô tô, không có công chứng, không có văn bản chứng minh mối liên hệ giữa Công ty TNHH D và Công ty TNHH MTV BM. Ngoài ra, Công ty TNHH MTV BM không có yêu cầu độc lập và nộp tài liệu về hồ sơ pháp lý để tham gia vụ án và Tòa án làm thủ tục thụ lý yêu cầu độc lập. Vì vậy, Tòa án không chấp nhận ý kiến này để xem xét giải quyết. Nếu sau này Công ty TNHH D và Công ty TNHH MTV BM có yêu cầu về khoản 43 triệu đồng với Công ty CP Cảng Sài Gòn sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Công ty TNHH D phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần C không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 357, 468, các Điều từ 530 đến 540 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 74 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải thanh toán cho Công ty cổ phần C số tiền cước vận chuyển gốc còn lại là **886.390.000** đồng (*tám trăm tám mươi sáu triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*) và lãi chậm thanh toán đến ngày 29/8/2018 là **162.170.000** đồng (*một trăm sáu mươi hai triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*). Tổng số là **1.048.560.000** đồng (*Một tỷ không trăm bốn mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: **43.456.000** đồng (*bốn mươi ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

Trả lại cho Công ty cổ phần C số tiền **20.700.000** đồng tạm ứng án sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2013/0000379 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nho Quan.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện NQ;
- CC THADS huyện NQ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đức Hiệp